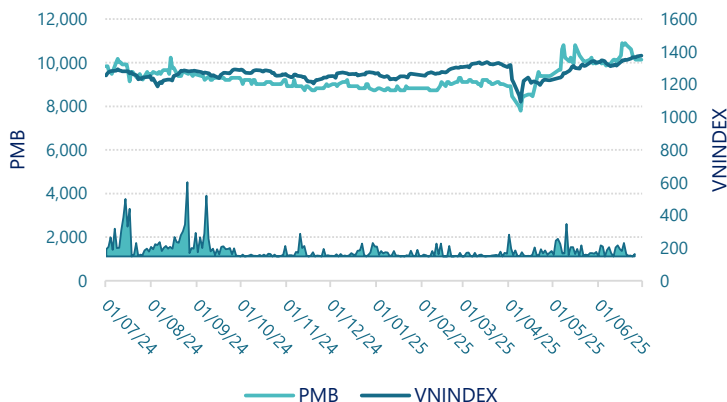




CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (HNX: PMB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,894
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,795
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	26,715
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	130
P/E	8.0
EPS	1,345

DT thuần

Q2/25

794

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 59.0 | 8.0%

YoY: ▲ 126 | 18.8%

LN sau thuế

Q2/25

7.10

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.42 | -16.6%

YoY: ▲ 1.82 | 34.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

1.1%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

6T 2025

1,529

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 341 | 28.7%

LN sau thuế

6T 2025

15.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.21 | 66.4%

ROE

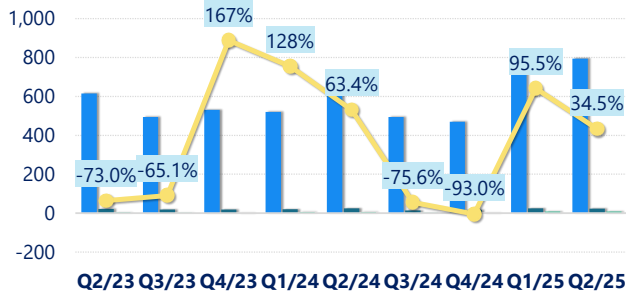
Q2/25

10.5%

+/- YoY: ▲ 3.3%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

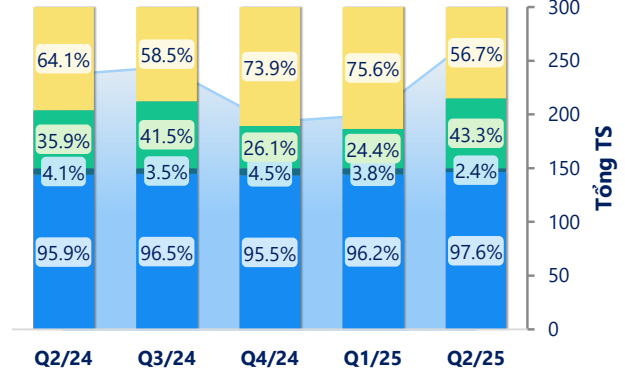


Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

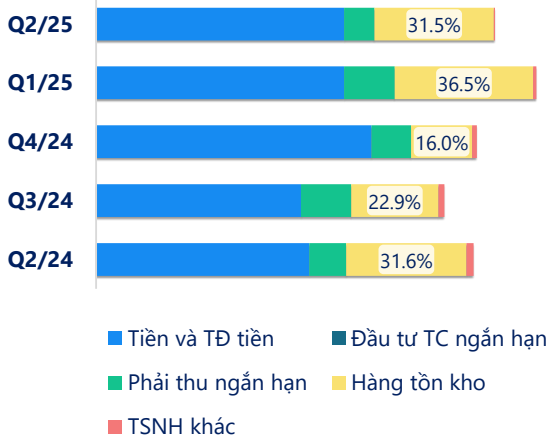
tỷ VNĐ



Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nợ phải trả
Nguồn VCSH

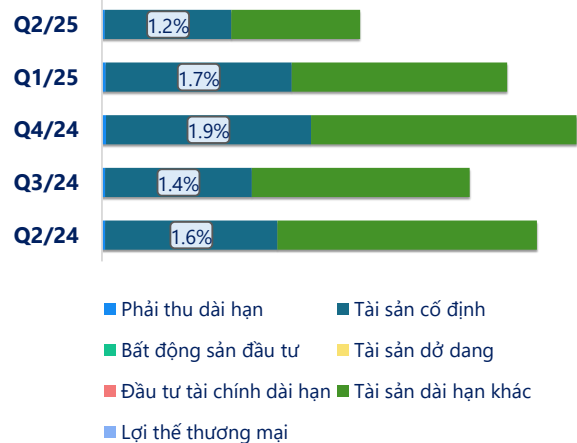
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

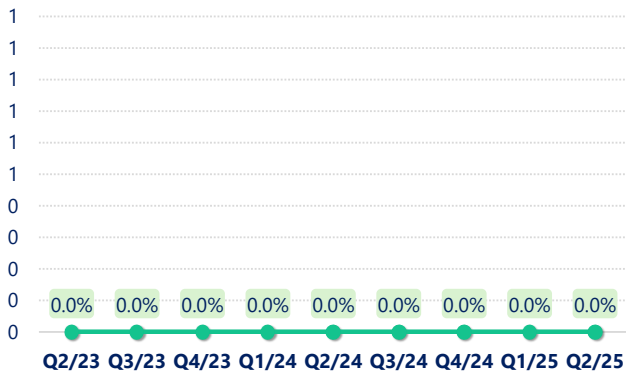
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay

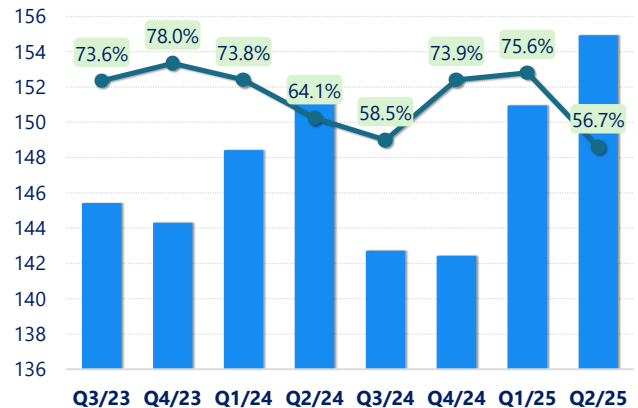


Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

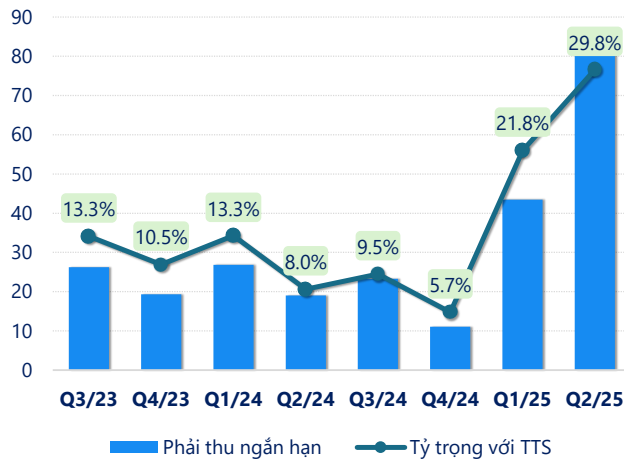
Vốn chủ sở hữu



Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

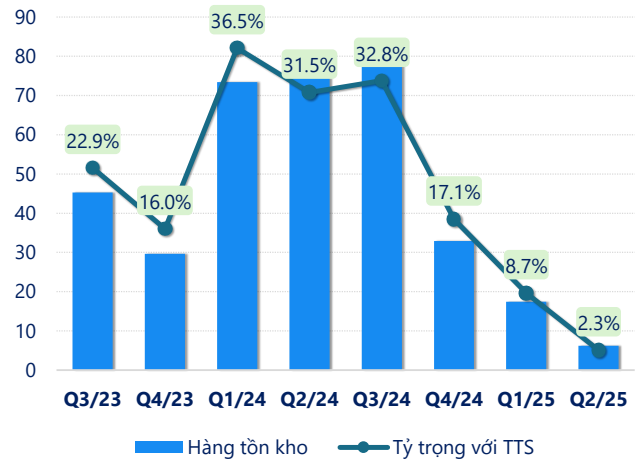
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


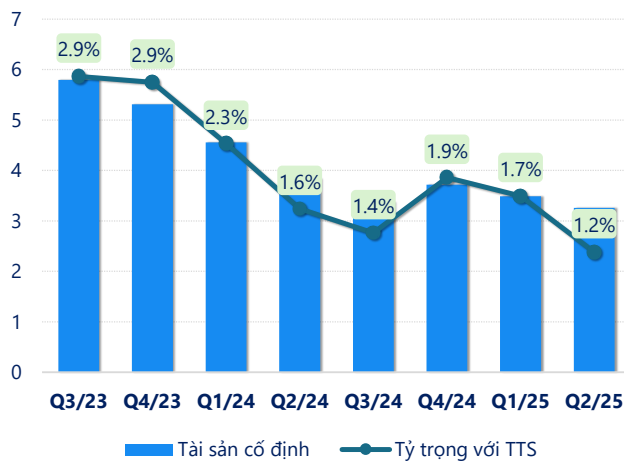
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


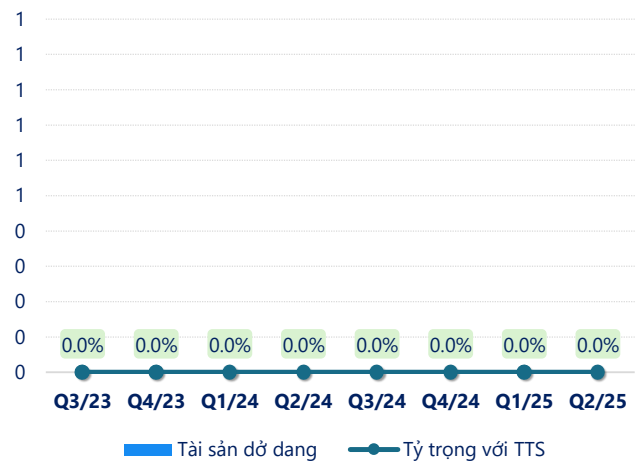
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

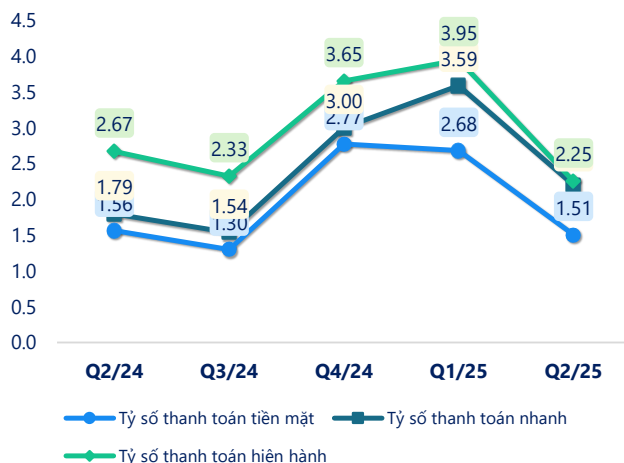
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

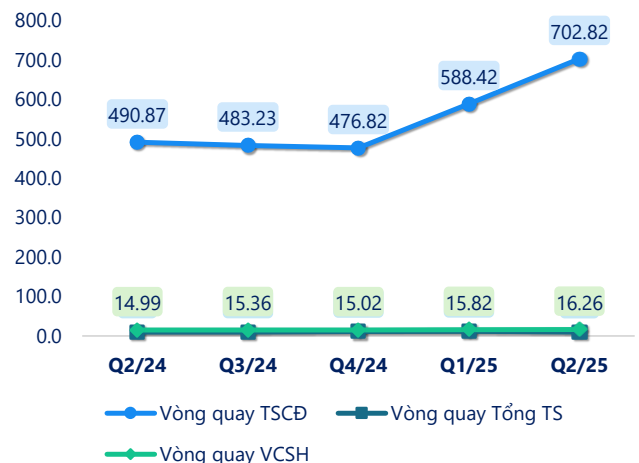
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	237	244	193	200	273
Tài sản ngắn hạn	227	236	184	192	267
Tiền và tương đương tiền	133	132	140	130	178
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	19.0	23.2	11.1	43.5	81.4
Hàng tồn kho	74.5	80.0	32.9	17.4	6.19
Tài sản ngắn hạn khác	0.63	0.71	0.41	0.76	0.70
Tài sản dài hạn	9.69	8.44	8.60	7.61	6.64
Phải thu dài hạn	0.07	0.07	0.07	0.07	0.07
Tài sản cố định	3.84	3.37	3.72	3.49	3.26
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.78	5.00	4.81	4.04	3.31
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	85.1	101	50.4	48.6	119
Nợ ngắn hạn	85.1	101	50.4	48.6	119
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	5.07	6.68	17.6	2.45	4.45
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	152	143	142	151	155
Vốn chủ sở hữu	152	143	142	151	155
Vốn điều lệ	120	120	120	120	120
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)